

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG *THUYỀN* CỦA NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Mai Thị Hồng Tuyết¹

Tóm tắt: *Tiểu thuyết Thuyền* của Nguyễn Đức Tùng là một tác phẩm văn học di dân gây được nhiều sự chú ý trong thời gian gần đây. Đây là một cuốn tiểu thuyết rất giàu chất thơ với hình tượng người kể chuyện mang nhiều đặc điểm gần gũi với kiểu nhân vật trữ tình mà ta thường thấy xuất hiện trong thơ. Bởi những sự kiện đời sống dường như chỉ là cái cớ để người kể chuyện thể hiện những cảm xúc, nghĩ suy. Trong câu chuyện, người kể là một thuyền nhân trên hành trình số phận khắc nghiệt và đấng cay, chứng kiến tội ác của cướp biển, chứng kiến cơn bão biển khủng khiếp và những cái chết của đồng bào mình..., từng tuyệt vọng rồi lại hi vọng. Trên hành trình ấy, nhân vật "tôi" đã suy nghiệm về tự do, tình yêu, hạnh phúc, về quê hương, về sự sống và cái chết... Cuối cùng, anh đã có được đáp án riêng của mình, nhất là định nghĩa về "quê hương" từ góc nhìn của một di dân. Sâu trong tâm hồn nhân vật người kể chuyện là tình yêu với nghệ thuật, tình yêu với đời sống và hơn hết là tình yêu với quê hương, đất nước mình.

Từ khóa: *Tiểu thuyết, người kể chuyện, văn học di dân, tự sự học.*

1. MỞ ĐẦU

Vấn đề người kể chuyện là một trong những phạm trù được quan tâm nhất của tự sự học hiện đại. Bởi kể từ điểm nhìn của ai, kể từ quan điểm nào sẽ khiến câu chuyện mang dáng hình tương ứng. Là một nhà văn Việt Nam ở hải ngoại, Nguyễn Đức Tùng ý thức rõ điều đó. Trong tiểu thuyết *Thuyền*, việc ông chọn người kể chuyện với ngôi kể thứ nhất, kể từ điểm nhìn bên trong đã mang tới những hiệu quả nhất định cho tác phẩm của mình, khiến cho câu chuyện tác động mạnh mẽ tới độc giả. Có thể nói, sự quan tâm nồng nhiệt của độc giả và giới nghiên cứu đối với tác phẩm trong thời gian gần đây có một phần nguyên nhân từ việc xây dựng hình tượng người kể chuyện của tác giả.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Về phạm trù người kể chuyện trong các tác phẩm truyện

Không thể có truyện kể nếu không có người kể chuyện. Trong tác phẩm truyện, nhà văn không xuất hiện trực tiếp mà anh ta sáng tạo ra một hình tượng hư cấu để kể lại câu chuyện, đó chính là người kể chuyện. Tuy nhiên, trước đây, người kể chuyện không được chú ý nhiều. Ngày nay, người kể chuyện là một yếu tố của tự sự và được nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau.

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

Trước hết, về sự hiện diện của người kể chuyện, đó không chỉ là một tiếng nói cho ta biết sự việc đã, đang và sẽ xảy ra mà còn mang đến một cái nhìn. Điều đó có nghĩa là việc trần thuật trong tác phẩm truyện luôn gắn với một quan điểm, một thái độ cụ thể. Ở *Rừng xà nu*, trong đoạn văn đầu tiên, Nguyên Ngọc miêu tả rừng xà nu dù nằm trong tầm đại bác của giặc nhưng cây xà nu luôn kiên cường (bên cạnh cây xà nu mới ngã gục là “bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”). Cách kể ấy nhằm thể hiện thái độ ngợi ca đất và người Tây Nguyên dũng cảm, đoàn kết trong cuộc chiến đấu cam go với kẻ thù. Tương tự, trong các thiên tiểu thuyết như *Khúc bi tráng cuối cùng* hay *Mưa đỏ*, Chu Lai luôn xây dựng hình tượng người kể chuyện theo mô thức truyền thống của văn học Việt Nam trước 1975. Đó là hình tượng người kể chuyện gắn với ngôi thứ ba toàn tri nhưng với quan điểm đứng về phía nhân dân, đất nước. Điều đó thể hiện trong từng chi tiết kể, tả về ngoại hình, xuất thân cũng như hành động của các nhân vật ở hai phe ta và địch.

Người kể chuyện luôn gắn với một ngôi kể và vai kể nhất định. Tự sự học truyền thống thường nói tới ngôi thứ nhất (xung tôi), ngôi thứ hai (ngôi người nghe) và ngôi thứ ba (người kể chuyện vắng mặt). Tuy nhiên, những nghiên cứu của nhà ngữ học Benveniste hay nhà tự sự học G. Genette đã chỉ ra rằng ngôi thứ ba chỉ là “ngôi giả”, “bất kể truyện kể nào đều ở ngôi thứ nhất”, bởi đã vắng mặt thì không thể kể chuyện được. Bên cạnh đó, chúng ta thấy có một vấn đề cần quan tâm nữa là người kể chuyện chọn điểm nhìn nào, điểm nhìn bên ngoài hay điểm nhìn bên trong, điểm nhìn không gian hay điểm nhìn thời gian... Nếu truyện kể dân gian và trung đại thường xây dựng hình tượng người kể chuyện gắn với điểm nhìn bên ngoài thì nhiều truyện kể hiện đại lại lựa chọn hình thức kể gắn với điểm nhìn bên trong. Việc lựa chọn điểm nhìn bên trong giúp tác phẩm có khả năng đi sâu vào những uẩn khúc trong tâm hồn nhân vật, nhờ đó tạo hiệu quả thẩm mỹ cho tác phẩm. Bên cạnh vấn đề ngôi kể, vai kể cũng là một vấn đề đáng lưu ý khi người kể chuyện đồng thời là một nhân vật trong tác phẩm. Trong *Lão Hạc*, người kể chuyện là đóng vai là ông giáo, trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, người kể chuyện là nghệ sĩ Phùng - người đi chụp ảnh lịch cho cơ quan... Khi người kể chuyện vào một vai nhất định, anh ta sẽ mang những kinh nghiệm, trải nghiệm, đặc điểm tâm lý của vai đó vào trong quá trình kể.

Trong mối quan hệ với tác giả, người kể chuyện không tách rời với tác giả nhưng không đồng nhất với tác giả. Nhà nghiên cứu Nga N. Tamarchenco viết: “Người kể chuyện được khách quan hóa và tách biệt rõ rệt với tác giả cả về mặt không gian, lẫn bình diện tu từ mà cụ thể nó được gắn với một hoàn cảnh văn hóa – xã hội và ngôn ngữ cụ thể để từ vị thế ấy nó mô tả các nhân vật khác” [4]. Lâu nay nhiều người có thói quen đồng nhất người kể chuyện với tác giả, điều này không đúng. Người kể chuyện thực tế là một hình tượng được sáng tạo. Người kể chuyện có nhiều điểm gần gũi với người viết ở kinh

nghiệm sống, ở quan điểm... nhưng đó vẫn là một dạng nhân vật trong tác phẩm truyện. Nếu đồng nhất người kể chuyện với tác giả thì sẽ không giải thích được những hiện tượng mà trong tác phẩm có nhiều người kể chuyện như *Nghìn lẻ một đêm*, *Mười ngày* (G.Boccaccio), *Ám thanh và cuồng nộ* (W.Faulkner)... Và vấn đề sẽ càng phức tạp khi khảo sát những tác phẩm của văn học hiện đại trong đó nhà văn sử dụng hình tượng người kể chuyện không đáng tin cậy.

2.2. Hình tượng người kể chuyện trong tiểu thuyết *Thuyền* (Nguyễn Đức Tùng)

Nguyễn Đức Tùng sinh ra tại Quảng Trị, từng là một "thuyền nhân" trước khi định cư ở Canada. Ông hiện là bác sĩ và đồng thời là một nhà văn đa tài, đã xuất bản thơ, truyện cùng một số tiểu luận như *Thơ đến từ đâu* (2009), *Đối thoại văn chương* (2012), *Thơ cần thiết cho ai* (2015), *Thơ buổi sáng* (2023)... Tiểu thuyết *Thuyền* (2025) của Nguyễn Đức Tùng ngay khi ra đời đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của bạn đọc. Điều này trước tiên được thể hiện qua những buổi ra mắt sách quy mô ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam với nhiều người tham dự là những nhà nghiên cứu tên tuổi; thể hiện qua số lượng ấn bản đã đến tay người đọc trong một thời gian ngắn. Cuốn sách đi theo một dòng mạch đã có bề dày nhất định, đó là văn chương di dân, là bộ phận văn học của người Việt Nam ở nước ngoài. Trước cuốn này, chúng ta đã bắt gặp nhiều tác phẩm truyện ngắn và tiểu thuyết khác chung chủ đề và đã khá thành công như *Quyên* của Nguyễn Văn Thọ, *Và khi tro bụi* của Đoàn Minh Phương, *Một thoáng ta rực rỡ ở nhân gian* của Ocean Vương, *Người tị nạn* của Nguyễn Thanh Việt... Có những chi tiết trong *Thuyền* của Nguyễn Đức Tùng ít nhiều làm ta gợi nhớ tới chi tiết trong các truyện khác như chi tiết về việc cướp biển giết người, cướp của, hãm hiếp phụ nữ trên tàu ta đã từng gặp trong *Những người đàn bà mắt đen* (trích *Người tị nạn* của Nguyễn Thanh Việt)... song tổng thể của truyện vẫn khiến người đọc bị hấp dẫn, gây ra những ám ảnh khôn nguôi. Điều này có thể đến từ nhiều nguyên nhân song một nguyên nhân quan trọng, đó là việc Nguyễn Đức Tùng đã chọn ngôi kể thứ nhất gắn với điểm nhìn bên trong để kể lại hành trình của nhân vật.

Nguyễn Đức Tùng dùng câu của Louise Gluck làm lời đề từ cho tác phẩm của mình: "Có một linh hồn trong tôi, nó kêu đòi thân xác". Điều đó ít nhiều gợi ra giả thuyết về một trong những động lực quan trọng khiến ông viết cuốn sách này, đó là nhu cầu giải phóng nội tâm. Có thể bản thân người viết đã trải qua những hành trình đầy ám ảnh, nó gây nhức nhối tâm lý và chỉ có một cách để tâm lý được trở lại trạng thái cân bằng, đó là viết. Và vì thế nhiều trường đoạn tâm lý của nhân vật trong cuốn sách có quan hệ chặt chẽ với những trải nghiệm tâm lý của bản thân nhà văn. Thậm chí, điều người kể chuyện trải nghiệm và bộc bạch cũng gợi ra bóng hình của chính nhà văn với thiên tiểu thuyết này: "anh bắt đầu đọc lại tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ ca, nhận ra không có một tác phẩm nào

dù vĩ đại đến đâu kể đúng câu chuyện của anh, chúng nói về tất cả mọi thứ trừ chính câu chuyện ấy, thế là anh viết, một cách câu thả, không có kỉ luật, trên những tờ giấy rời, trên bất cứ tờ giấy nào anh thấy được”, nhưng “anh không bao giờ có thể viết một mạch, không được như thế, tất cả những dòng chữ ấy, những ghi chú ấy, đều là những mảnh đứt gãy, nối liền nhau bởi sợi dây vô hình, sự tưởng tượng, niềm hối hận, nỗi phản kháng vô hình đối với số phận, anh không thể đi một con đường khác, thời gian chọn cho anh một lần, dù viết về đề tài nào thì cuối cùng anh cũng lần ra ở những rai rác ấy, mạch ngầm của câu chuyện cũ” [6, tr.322]. Và trường hợp này của *Thuyền* lại một lần nữa trở thành minh chứng cho mối quan hệ bền chặt giữa tác giả và người kể chuyện.

Toàn bộ tác phẩm là cái nhìn của người trong cuộc, những nghĩ suy, đón đầu trên chặng đường di cư là của người trong cuộc, những mất mát, thất vọng, tuyệt vọng rồi lại hi vọng là tiếng nói từ bên trong nội tâm của người trong cuộc. Chính vì vậy, câu chuyện được kể ra vừa hấp dẫn, vừa thuyết phục. Bên cạnh đó, điểm thú vị của cuốn sách này là nó không được viết theo cấu trúc thời gian thông thường mà viết theo cấu trúc phân mảnh - cấu trúc ý thức của người kể. Mỗi trường đoạn trong cuốn tiểu thuyết như *Cửa biển*, *Con sót*, *Mẹ tôi*, *Chiếc dép*, *Trại biên giới*, *Bài hát cỏ lau*, *Cuốn sách đầu tiên...* đều như một mảnh của kí ức, chợt hiện ra rồi lại mất đi trong dòng ý thức của người kể. Điều này góp phần tạo nên nét đặc sắc trong kĩ thuật kể chuyện của nhà văn ở tác phẩm này. Nhìn sâu hơn vào cuốn tiểu thuyết, có thể thấy, nhân vật người kể chuyện là một người dân di cư khốn khổ trên con thuyền vượt biển cũng là con thuyền của số mệnh nghiệt ngã. Tuy nhiên, những trình hiện của người kể chuyện còn cho thấy anh là một người có tình yêu sâu nặng với nghệ thuật, với đời sống, một người yêu quê hương, đất nước mình tha thiết. Đó cũng là con người trĩu nặng những suy tư về cuộc đời, về nghệ thuật.

a. Người kể chuyện – một di dân

Vai mà người kể chuyện trong *Thuyền* đảm nhiệm là vai một di dân. Cả cuốn tiểu thuyết kể về những điều xảy ra xung quanh chuyến di cư đó. Vì thế, nhìn bề ngoài, có thể xem người kể chuyện là một di dân. Những cảm thức của anh ta là cảm thức của một thuyền nhân trên hành trình của mình.

Tác phẩm mở ra với hành động đầu tiên của nhân vật người kể chuyện: “đi coi bói”. Coi bói vận mệnh để biết anh và Liên Hương – người yêu của anh có thể đi chuyến này thành công hay không. Dầu quả bói cho Liên Hương xấu nhưng cả hai vẫn đi vào hành trình phiêu lưu để đến với chân trời tự do. Và ngạc nhiên là kết truyện có vẻ vẫn là sự tiếp tục của con đường tâm linh. Nhân vật “tôi” tìm đến với cô đồng để mong có sợi dây kết nối với Liên Hương. Có vẻ sự chông chênh trên con đường số phận, chông chênh trên con đường đời đã khiến niềm tin vào những gì hiện hữu trở nên lung lay, song ngay cả thế giới tâm linh kia cũng không phải là sự cứu rỗi cho con người ấy.

Nhân vật "tôi" đã trải qua một hành trình nhiều gian nan, đau khổ, với những biến cố khắc cốt, ghi tâm, chứng kiến những kẻ giết chóc, hãm hiếp, chứng kiến những người di cư tuyệt vọng đến mức tự tử... Nhưng điều đáng lưu ý là cuốn truyện không tập trung vào kể những biến cố ấy mà biến nó trở thành con cờ gợi dẫn đến những cảm xúc, suy tư trong nội tâm của mình. Nhiều trường đoạn trong cuốn tiểu thuyết thể hiện cách kể gần với thơ và người kể chuyện mang nhiều đặc điểm gần với hình tượng nhân vật trữ tình trong thơ. Ở phần đầu tác phẩm, khi con tàu di cư bị đánh hỏng máy, nhân vật "tôi" biết đó là thủ đoạn của bọn cướp biển. Lập tức, một cảm giác "trống rỗng" tràn đến. "Tôi" "ngơ ngác, quên mất bầy ngỗng trời, quên mất thông điệp của chúng, khi mùi thuốc lưu huỳnh tan bớt, tôi cố hít lấy khí trời như thể chẳng bao lâu nữa sẽ không còn được hít thở nó" [6, tr.78]. Tiếp ngay sau đó là cảm giác tuyệt vọng: "Chẳng bao lâu nữa đời sống như chúng tôi được biết sẽ chấm dứt, làn nước trong xanh kia, đám sương mù lằng đằng mà gió thổi xé đôi ra như dải lụa, tất cả những điều ấy sẽ không còn nữa và tôi không còn nữa" [6, tr.79]. Nhưng con ác mộng ấy không đến ngay, nó đến từ từ trong sự khắc khoải, trong nỗi chán chường: "Không phải cái chết mà sự chờ đợi cái chết, làm mọi người run lên, bất động, và sau một lúc hoàn toàn hoảng loạn, tan tác, mỗi người văng đi một mảnh, vào một góc" [6, tr.80]. Trong một trường đoạn khác, khi con tàu trong một trạng thái tan tác, không còn gì để kháng cự, nó phải đối mặt với cơn bão. Những cảm thức trước biến cố của vũ trụ lại tràn về: "Bóng tối chế ngự hoàn toàn. Nếu có một hình ảnh nào về địa ngục thì đây là địa ngục. Tôi bàng hoàng, mất phương hướng" [6, tr.119]. Thông thường, trong các truyện kể, người kể chuyện sẽ tập trung thể hiện những hành động của con người trước các biến cố của đời sống từ đó khắc họa ngã rẽ của số phận họ song ở đây, người kể chuyện chỉ lặng lẽ cảm nhận, lặng lẽ lắng nghe những cung bậc cảm xúc dâng lên trong lòng mình cũng như thể hiện cảm xúc của những người xung quanh.

Trên hành trình di cư ấy, tâm thức của người kể chuyện đọng lại, day dứt nhất là khi phải đối diện với thân phận của những con người. Trước cái chết của cô bé bốn tuổi, "tôi" đã dừng lại để đặc tả khuôn mặt đau đớn tột cùng của người mẹ: "khuôn mặt chị lạnh lẽo, ngơ ngác, thần thờ như thuộc về một thế giới khác". Những đau đớn được dồn lại trong những câu từ miêu tả cái chết của đứa trẻ: "Trước một đứa trẻ bốn tuổi nằm trước mặt tôi, không cử động, không nói năng, như con cá trích ướp muối, thế giới dừng lại, thời gian dừng lại, ký ức dừng lại, cái xấu dừng lại, cái tốt dừng lại, cái sai dừng lại, cái đúng dừng lại"[126]. Ở đây, cấu trúc câu văn được tạo ra theo mô thức của sự trùng điệp, nó có tác dụng xoáy sâu vào tâm lý của người đọc và thể hiện rõ những đau đớn của người nói. Day dứt càng thêm day dứt khi người kể dừng lại ở chi tiết về chiếc dép trên đôi chân đứa trẻ trước khi được "thủy táng". Ở chi tiết này, tình người được làm nổi bật, sự đau thương cũng đến tột cùng. Hơn nữa, những day dứt không dừng lại khi chặng đường di cư trên

biển kết thúc mà nó còn kéo dài đến không gian của những trại tị nạn. Đâu đó những phận người long đong, tuyệt vọng qua cái nhìn của người kể chuyện lại in hằn lên những trang sách. Châu - một người đàn ông trong trại biên giới Nong Chan từng mới cưới vợ nhưng rồi bị rơi vào tay bọn lính tàn quân Polpot trên hành trình vượt biên. Vợ anh bị bọn chúng thay nhau hãm hiếp trước mặt anh và bị bắt đi. Anh trốn đến được Thái Lan nhưng những viên thuốc an thần, chống trầm cảm cũng không cứu được anh để rồi một buổi sáng khi “tôi” tỉnh dậy, đã thấy anh treo cổ lủng lẳng trên cái xà gỗ ngang. Đáng chú ý hơn là phản ứng của người kể chuyện trước cái chết của Châu. Những đau đớn trên hành trình di cư đã khiến “tôi” có cái nhìn khác trước cái chết ấy, “tôi” hiểu rằng cái chết ấy không hẳn là bị kịch mà là sự giải thoát: “Anh đã chọn con đường ngắn nhất để trở về. Thân xác anh giờ đây nhẹ nhõm, nhẹ như một ý tưởng, lác lác trong gió sớm” [6, tr.209]. Ở một trường đoạn khác, người kể chuyện đã tạc lại nỗi đau thân phận người di cư qua hình ảnh một cô bé mười sáu tuổi, bị hãm hiếp nhiều lần trên đường vượt biên dẫn tới mang thai. Nếu theo dõi cả mạch kể, ta sẽ thấy bản thân những người vượt biên đều có ý thức rõ về điều này nên trước khi lên thuyền, người ta đã phải cho những đứa trẻ uống thuốc ngừa thai. Tuy nhiên, nỗi đau không chừa một ai. Khi những nhân viên xã hội khuyên cô bé bỏ cái thai oan nghiệt ấy đi, cô đã từ chối. Tuy nhiên, cô đã không chịu được những áp lực từ sự lựa chọn của mình. Cô chọn không giao tiếp với ai mà tự giải tỏa tâm lý của mình qua tiếng hát trong những lùm cỏ lau trắng xóa: “Cô hát thật lâu, hát như hát cho trời đất, hát như hát cho một linh hồn từ biệt bay đi” [6, tr.221]. Mãi sau này, tiếng hát ấy vẫn văng vẳng trong tâm trí “tôi” và “tôi” nhận ra sự thương tiếc ở trong đó, chính sự thương tiếc quá khứ đã khiến con người gục ngã, vắt kiệt tâm hồn và thân xác. Sự ám ảnh về tiếng hát của cô bé đã ám ảnh tôi trong một thời gian dài và tôi nhận ra sợi dây kết nối mình và cô bé chính là tình đồng bào, là sự đồng cảm. Tiếng hát của cô là “mơ ước về cõi tự do, thanh bình, đã từng có, của tất cả chúng ta” [6, tr.223], nó gọi cho chúng ta niềm trân trọng rằng con người sẽ phải vượt qua những chặng đường nào để đi từ thù hận đến quên lãng, từ chia li đến đoàn tụ...

Có thể nói, với cách dựng lên khuôn mặt của những di dân trong những trạng huống khác nhau như vậy, nhà văn Nguyễn Đức Tùng đã thể hiện đậm nét hình ảnh của người di cư Việt Nam trên những chặng đường thiên lí trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt. Những phận người hiện lên trong dòng kí ức của người kể chuyện gắn với những cảm xúc xót xa tột cùng đã làm thổn thức trái tim người đọc.

b. Người kể chuyện cùng tình yêu sâu nặng với nghệ thuật, đời sống và với quê hương mình

Cách kể trong câu chuyện không cho người đọc biết lai lịch của nhân vật “tôi”. Độc giả chỉ biết đó là một di dân với những sở thích đời thường nhưng đọng lại trong lòng độc

giả đó là một con người yêu nghệ thuật và đời sống sâu sắc. Chính tình yêu ấy đã cứu rỗi anh qua những chuỗi dài đau khổ và tuyệt vọng.

Ở phần đầu của tác phẩm, khi bị dồn xuống con thuyền có sức chứa bốn mươi hay năm mươi người nhưng phải chờ gấp ba, hay bốn số đó, phải nằm cạnh cái thùng kim loại là cầu tiêu đã chiến cho cả đoàn người, cảm giác của “tôi” là khó thở, ngột ngạt, khó ngủ. Nhưng chính sự chi chút những vẻ đẹp của đời sống đã giúp “tôi” vượt qua thử thách đầu tiên đó. Nhân vật người kể chuyện đã nâng niu những khoảnh khắc bình dị mà bình yên trên con tàu nhiều bão tố. Khi nhìn một người phụ nữ ngồi trên thuyền vá lại chiếc áo rách cho chồng, như thể chị đang ngồi trong một căn bếp ở thôn xóm an bình nào đó, thấy mùi hoa nhài từ đâu bay lại... tâm hồn tôi thấy trong trẻo, coi đó như những giây phút bình yên mà quê hương ban cho lần cuối. Có những khi thuyền đi trên sông, tâm hồn lãng mạn của nhân vật “tôi” lại được mở ra để đón nhận những vẻ đẹp của đời sống: tâm trí tôi “để trôi theo những đám lục bình, tôi đã được nhìn thấy đàn sếu bay qua mặt nước, nghe tiếng kêu buồn buồn của chúng, nhìn người chài lưới tung lưới trên mặt nước, những đàn cá tung tăng ánh bạc đẹp mê người” [6, tr.60]. Rồi có những đêm trên con thuyền nóng hầm hập hơi người, ruồi muỗi vo ve, chập chờn giấc ngủ, tiếng đờn kìm, tiếng người ca kỹ đi chơi khuya về cất tiếng hát trên sông đã cứu rỗi “tôi”, làm tôi có cảm giác “sung sướng lạ thường, tựa như tôi không còn hiện hữu, tưởng như tôi đã đi qua một thế giới khác, cũng hiện hữu nhưng theo một nghĩa khác” [6, tr.61]. Tất cả những ấn tượng và cảm giác ấy cho thấy tình yêu mãnh liệt của người kể chuyện với cuộc sống, với quê hương, đất nước mình. Chỉ có một tình yêu thiết tha với cuộc sống, với quê hương mới có thể khiến “tôi” thoát ra ngoài con thuyền bí bách, bản thủ để đến với cuộc sống tươi mới ngoài kia và từ đó mà tìm nguồn sống cho mình. Mặt khác, hành trình di dân ấy lại cho người kể chuyện thấy rõ hơn tình yêu quê hương trong chính trái tim mình.

Trong những ngày rời khỏi mảnh đất quê hương, nghệ thuật chính là cầu nối để nhân vật “tôi” được trở về với nguồn cội. Trong những ngày lưu lạc trên đất Thái, chỉ một bài hát Việt Nam cũng khiến cả đoàn người “thần thờ”, “ngơ ngác”. Với vốn kiến thức về âm nhạc sâu rộng của mình, người kể chuyện lập tức nhận ra giọng hát của Thái Thanh. Đây là bài hát do Phạm Đình Chương phổ nhạc bài thơ *Người đi qua đời tôi* của Trần Dạ Từ nhưng ca sĩ đã xử lí nó theo một cách rất riêng. Người kể chuyện đã phân tích cụ thể về đẹp của bài hát ấy để độc giả có thể cảm nhận phần nào: “Lời thơ cực tả cảm xúc trong tình yêu, nhạc và ngôn ngữ hòa quyện mật thiết uyển chuyển, réo rắt, hợp với giọng người hát. Hình ảnh trong thơ đẹp, sang trọng, giàu chất tượng trưng. Giọng hát ngắt ngảy, phát âm tròn chữ, khi xuống thì xuống hết bực, khi lên thì thênh thang mây trời” [6, tr.195]. Những phân tích ấy trở thành lời ca tụng về đẹp của tác phẩm và tiếng hát của người ca sĩ. Thậm chí, niềm say mê của người kể chuyện còn dẫn anh tới một trường đoạn đường

như đi ra ngoài yêu cầu của cốt truyện, đó là trường đoạn giới thiệu về ca sĩ Thái Thanh. Những giới thiệu, phân tích về tiếng hát của người kể chuyện về Thái Thanh phải chăng chính là biểu hiện của một tình yêu, niềm tự hào về quê hương. Tuy nhiên, sâu bên trong niềm say mê ấy còn là sự thức nhận về văn chương, về giá trị của văn chương trong cuộc đời: “Có một thứ khác nữa, hình như sâu xa, lặng lẽ, khác với âm nhạc, làm tôi sống lại ngày đẹp đẽ, không khí căng lồng ngực, tuổi thơ lướt qua trắng muốt. Tôi nhận ra đó là ngôn ngữ. Vì thơ là tinh hoa của ngôn ngữ. Thơ Trần Dạ Từ như tuổi trẻ, như chiến tranh, như bếp lửa ngoài hiên tối có mùi hương mộc, nơi tôi ngồi xuống giữa những người khác” [6, tr.196]. Giữa nơi đất khách quê người, văn chương, chính âm nhạc đã kéo tâm hồn nhân vật “tôi” và những người tha hương khác trở về với nguồn cội của mình. Chính bài hát được phổ nhạc kia đã kéo những con người ấy trở về với tiếng mẹ đẻ. Vì vậy, nó khơi lên hi vọng ở những con người ở đáy cùng của sự tuyệt vọng. Bản thân nhân vật “tôi” ý thức rõ điều ấy: “Ca sĩ không bao giờ biết rằng cô đã hát bài hát ấy trong một quán nước ven đường, đầu những năm tám mươi, khi người Việt tan tác, khi tiếng nói là niềm hi vọng cuối cùng” [6, tr.197].

Trong câu chuyện, nhân vật tôi còn là một người tình chung thủy mang tình yêu không bao giờ thay đổi với Liên Hương. Tuy nhiên, trong một số trường đoạn, độc giả thấy dường như khuôn mặt của Liên Hương cũng chính là gương mặt của quê hương: “Đối với anh, quê hương là thời thơ ấu, nhưng không chỉ có thế, quê hương còn là khí quyển trong lành tự do, nơi anh đã sống những ngày đẹp đẽ đến nỗi chúng thuộc về một đời sống khác, anh đã gặp một người cao quý đến nỗi nàng là biểu tượng cho tâm hồn dân tộc” [6, tr.322]. Và vì thế, nỗi ám ảnh về Liên Hương trong tâm hồn nhân vật chính có thể là biểu hiện của chính quê hương. Ngay kể cả chi tiết trong đoạn kết tác phẩm, khi nhân vật người kể chuyện tìm tới với cô đồng để mong được gặp lại Liên Hương, đó có thể là một biểu hiện khác cho sự kết nối với quê hương của chính mình.

Như vậy, nhìn bề ngoài, câu chuyện của một người di dân, một người rời bỏ quê hương mình khiến người ta có thể có những phán đoán khác nhau nhưng nhìn sâu vào trong câu chuyện, ta lại thấy thăm sâu trong tâm hồn con người ấy là một tình yêu quê hương, đất nước thiết tha. Chính vì yêu quê hương mình nên người kể chuyện mới có thể cảm nhận vẻ đẹp của quê hương thông qua những giác quan khác nhau: tiếng hát của một ca kỹ vô danh trên sông, tiếng hát của một ca sĩ nổi tiếng trên miền đất xa lạ, thấy mùi thơm của hoa nhài bay lại trên sông, thấy vẻ đẹp của đám lục bình, của đàn sếu trong mịt mờ khói sóng. Vì yêu quê hương nên mới có thái độ trân trọng vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc đến vậy.

c. Người kể chuyện – một con người giàu suy tư

Ở trên đã nói tới văn chương nghệ thuật như là một cây cầu nối nhân vật người kể

chuyện với quê hương, đất nước mình, trong phần này, chúng tôi lại tiếp tục phân tích khía cạnh văn chương như là một trong những cội nguồn suy tưởng của người kể chuyện. Nhờ văn chương, người kể chuyện đã có những suy tư khác về thế giới, nhờ văn chương, người kể chuyện đã suy tư về những vấn đề liên quan tới chức năng – giá trị văn học hay mối quan hệ văn học – nhà văn – bạn đọc...

Trong tác phẩm, người kể chuyện là một người am hiểu về nghệ thuật, trong đó có văn chương. Sự am hiểu đó một phần xuất phát từ những trải nghiệm của anh trên dặm đường thiên lí. Có những khi, kiệt quệ quá, không biết bầu vùi vào cái gì, văn chương giúp anh vịn dậy mà đứng lên. Có những khi, văn chương giúp anh hiểu về đời sống này một cách mạch lạc hơn. Có lẽ hiếm ai giống như nhân vật “tôi” trong câu chuyện, có những trải nghiệm văn chương thật sự đặc biệt. Khi ở trong khu tạm giam, gần biên giới, “tôi” đã được người đi trước để lại một món quà, đó là một cuốn sách, cuốn *The Brothers Karamazov* (*Anh em nhà Karamazov* của F.Dostoevsky), một cuốn sách bằng tiếng Anh mà người kể chỉ có thể hiểu được lờ mờ. Nhưng chính tình cảnh có vẻ tẻ nhạt ấy đã làm bật ra ở người kể những cảm nhận và suy tư thật thú vị. Người kể đã vừa đọc, vừa đoán nhiều lần các câu chữ, các chi tiết của cuốn sách, nhiều phán đoán trong số đó sai nhưng thật kì lạ, cuốn sách đã dẫn dắt cảm thức của “tôi” và từ đó “tôi” nghiệm ra rằng: “thế giới mà tôi đang sống đầy rẫy những điều xấu xa và tốt đẹp, rằng những mối quan hệ cha mẹ và con cái, anh chị em, bè bạn, con người và quê hương không bao giờ đơn giản như ta nghĩ” [6, tr.214]. Hơn nữa, cuốn sách của Dostoevsky đã giúp người kể chuyện nhìn thế giới rõ ràng hơn, thấu suốt hơn: “Càng về sau, tôi càng nhận ra khuôn mặt của nhân loại trong cuốn sách ấy, một nhân loại đang này càng phát triển hỗn loạn, bộc lộ hết những mâu thuẫn và ảo vọng điên cuồng, thói tham lam ích kỷ để ra nạn tham nhũng, sự đau khổ của đồng bào tôi và ước vọng muôn đời của họ” [6, tr.216]. Chính cái nhìn ấy đã giúp người kể có thái độ sống bình tĩnh hơn và can đảm hơn, giúp anh vượt qua được những đau đớn của hiện tại để có niềm tin vào tương lai, vào thế giới xung quanh mình.

Hơn nữa, anh còn nhận ra sự trưởng thành của chính mình khi nhìn vào tấm gương nghệ thuật: “Trước *Anh em nhà Karamazov*, tôi đã từng yêu mến nhiều thứ: *Nửa chùng xuân*, *Bướm trắng*, *Mối tình màu hoa đào*, *Giông tố*, *Cõi người ta*, *Khung cửa hẹp*, *Zorba người Hy Lạp*, nhưng những cuốn sách ấy tôi đọc chúng trong khung cảnh thơ mộng, tin rằng thế giới lúc nào cũng thế, không thay đổi, còn bây giờ tôi đọc trong tâm trạng lo âu, rối bời, nhớ, nên những ấn tượng của các nhân vật sâu đậm không ngờ, chúng làm tôi kiệt sức, và sau đó nâng tôi lên” [6, tr.215]. Ở một chỗ khác, người kể chuyện nhận thấy: “nhờ ngôn ngữ văn chương, tôi trở thành một người khác, đau đớn hơn, hạnh phúc hơn, bao dung hơn, nhờ ánh sáng của ngôn ngữ, tôi nhìn thấy khuôn mặt em bình thản, nhân từ,

trong suốt” [6, tr.172]. Ở một góc độ khác, những suy tư ấy chính là một biểu hiện sinh động cho giá trị của văn học. Văn học giúp con người nhận thức thế giới và nhận thức chính mình. Văn chương chính là cái Đẹp. Ở đây, cái Đẹp đã cứu rỗi thế giới.

Cùng với những suy tư về chức năng – giá trị của văn học, người kể chuyện cũng bộc lộ những suy tư về động lực sáng tạo của người viết. Trên những dặm dài đau khổ, nhân vật người kể chuyện đã đến với văn chương – một sự kết đôi tương như ngẫu nhiên nhưng thực ra là tất yếu. Cuộc sống ấy chỉ văn chương mới diễn tả được và chỉ thông qua sự diễn giải trong thế giới văn chương, tâm hồn người kể chuyện mới được giải thoát: “tôi đến với văn chương từ đó, từ những ngày nằm ngò trên chiếc sà lan nóng bỏng dưới mặt trời thiêu đốt trên mặt biển, nhớ Liên Hương điên dại, nhớ đến ngát đi từng chập, không có một nỗi đau khổ nào lớn hơn sự nhớ, những ngày ngấm mặt trời mọc, ngấm mặt trời lặn, một mình giữa đám đông rách nát, một mình dưới cột buồm trơ trọi như cột cờ của kẻ chiến bại” [6, tr.171]. Vậy là điều tâm lý học, nghiên cứu văn học phải diễn giải bằng những mệnh đề cao siêu, phức tạp thì nhân vật người kể chuyện lại thể hiện bằng những câu từ thật giản dị. Văn chương là sự giải thoát nội tâm của người nghệ sĩ, hình tượng trong văn học là sự hình tượng hóa những trải nghiệm của chính bản thân người nghệ sĩ...

Bên cạnh những chiêm nghiệm về văn chương, người kể chuyện còn thể hiện những chiêm nghiệm về cuộc đời. Đôi khi đó là những nghĩ suy có vẻ vụn vặt, có thể là suy tư về cái mới và cái cũ: “Đi tìm cái mới thì dễ. Thoát khỏi cái cũ thì khó” [6, tr.13] hay suy tư về con người và cái chết: “Con người một mình đi tới cái chết, hoàn toàn cô độc” [6, tr.146] nhưng thường thì đó là một chuỗi những độc thoại trong tâm hồn nhân vật tôi. Những dòng chảy suy tư ấy thường xoay quanh những phạm trù lớn nhất của đời sống con người, đó là ý nghĩa của đời sống, là tự do, là tình yêu và ước vọng... Với mỗi phạm trù, dường như người kể chuyện đều có câu trả lời riêng của mình, dựa trên những trải nghiệm cá nhân của mình. Nhưng dường như câu chuyện mà nhân vật người kể chuyện trần trở nhiều nhất là câu chuyện về quê hương. Xưa nay, nhiều nhà văn, nhà thơ đã đưa ra đáp án riêng của họ về quê hương nhưng phần lớn những người ấy đang sống trên chính mảnh đất quê hương mình. Trong mắt những “thuyền nhân” như “tôi”, quê hương là gì đây? Sau những tháng ngày rời quê, lên đênh trên đất khách quê người, sau những ngày bôn ba, đi tìm “tự do”, “quê hương” nên được định nghĩa như thế nào? Cuối cùng, người kể chuyện nhận ra rằng: “đối với anh, quê hương là thời thơ ấu, nhưng không chỉ có thế, quê hương còn là khí quyển trong lành tự do, nơi anh đã sống những ngày đẹp đến nỗi chúng thuộc về một đời sống khác, anh đã gặp một người cao quý đến nỗi nàng là biểu tượng cho tâm hồn của dân tộc, trong một ngõ hẻm ở giữa một xóm buôn bán và lao động ồn ào, nghèo và cũ, bám bụi thời gian, mùa mưa thì ẩm thấp, mùa hè thì nắng cháy

da cháy thịt” [6, tr.323]. Và có lẽ đây cũng là một trong những suy tư quan trọng nhất của người kể chuyện vì nó liên quan tới vấn đề căn cốt của toàn bộ cuốn tiểu thuyết. Và điểm thú vị là cách nhân vật trả lời có nhiều điểm tương đồng với cách xử lý vấn đề của nhiều tác phẩm văn học di dân khác. Còn nhớ trong *Và khi tro bụi* của Đoàn Minh Phượng, khi nhân vật chính An Mi mất đi người chồng của mình, cô cũng mất đi sợi dây cuối cùng kết nối mình với thế giới, cô lên chuyến tàu đi bất cứ đâu cho đến khi kết thúc cuộc đời, cô uống thuốc ngủ để tự tử. Nhưng rồi trong giây phút cuối đời, cô mới ngộ ra rằng, quê hương chính là nơi cô muốn tìm về, cô cần tìm về. Điều mà lâu nay cô không biết, có thể cứu rỗi cuộc đời của cô, đó chính là quê hương. Như vậy, khác với bộ phận văn học trong nước, bộ phận văn học hải ngoại lại có một cách khác để thể hiện tình yêu với quê hương, dân tộc. Thậm chí, vì phải xa quê, nhớ quê nên tiếng nói tình yêu ấy có phần mãnh liệt.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, dù là một cuốn tiểu thuyết nhưng cách xây dựng tác phẩm của Nguyễn Đức Tùng lại có nhiều điểm gần gũi với thơ. Bởi tác phẩm không trọng sự kiện mà trọng miêu tả tâm lí, thể hiện tình cảm, cảm xúc của con người trước sự kiện đó. Trong không gian như vậy, nhân vật người kể chuyện của cuốn tiểu thuyết cũng có nhiều điểm gần với nhân vật trữ tình trong thơ: nhân vật có nhiều điểm tương đồng với tác giả nhưng không đồng nhất với tác giả. Toàn bộ tác phẩm đã thể hiện những kí ức vụn vỡ của người kể chuyện trong quá trình di cư. Nguyễn Đức Tùng đã chọn ngôi kể thứ nhất gắn với điểm nhìn bên trong, chọn giọng xót xa, đau đớn, giọng chiêm nghiệm để thể hiện những cảm xúc và suy tư của người kể. Qua những lời kể, độc giả có thể nhận ra tình yêu của người di dân ấy với cuộc sống, với nghệ thuật, với chính quê hương mình. Qua lời kể ấy, độc giả có thể nhận ra nhân quan trước cuộc đời của người kể, từ đó có thể hiểu phần nào về những “thuyền nhân”, phần nào hiểu về chính tác giả Nguyễn Đức Tùng. Nghiên cứu này vì thế góp phần khai mở giá trị của tiểu thuyết *Thuyền* – một tác phẩm mới xuất hiện trên văn đàn nhưng đã nhận được sự quan tâm của đông đảo bạn đọc.

Bài viết cũng nằm trong dòng mạch nghiên cứu tự sự và nghiên cứu văn học di dân – những mạch chảy đang được nhiều người theo đuổi. Người kể chuyện là một phạm trù quan trọng của tự sự học hiện đại, vì thế, những khái quát về người kể chuyện cũng như phần thực hành phân tích người kể chuyện trong *Thuyền* của Nguyễn Đức Tùng trong công trình này sẽ là một tài liệu cho nghiên cứu về người kể chuyện trong văn học nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Bên cạnh đó, bài viết cũng góp phần làm rõ hơn những đặc điểm của văn học di dân – bộ phận đã góp phần làm nên sự phong phú của văn học Việt Nam hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viet Thanh Nguyen (2018), *Người tị nạn* (Phạm Viem Phương dịch), NXB Hội Nhà văn và Phương Nam book.
2. Đoàn Minh Phượng (2020), *Và khi tro bụi* (Tái bản), NXB Hội Nhà văn.
3. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2018), *Tự sự học - lý thuyết và ứng dụng*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Tamarchenco N.D.(2015), *Người kể chuyện* (Lã Nguyên dịch), <https://languyensp.wordpress.com/2015/01/30/nguoi-ke-chuyen-2/>
5. Trần Lê Hoa Tranh (2019), *Văn học di dân - phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ*, NXB Phụ nữ.
6. Nguyễn Đức Tùng (2025), *Thuyền* (Tái bản), NXB Phụ nữ Việt Nam.
7. Ocean Vuong (2021), *Một thoáng ta rực rỡ ở nhân gian* (Tái bản) (Khánh Nguyên dịch), Nhã Nam và NXB Nhã Nam.

THE NARRATOR IN *THUYEN* BY NGUYEN DUC TUNG

Mai Thi Hong Tuyet

Abstract: *The novel “Thuyen” by Nguyen Duc Tung is a diasporic literary work that has attracted considerable attention in recent times. It is a poetic novel, with the narrator embodying many characteristics commonly associated with the lyrical character often found in poetry. This is because life events appear to serve merely as pretexts for the narrator to express his thoughts and feelings. In the story, the narrator is a boat refugee on a harsh and bitter journey of fate, witnessing the atrocities of pirates, the terrible power of sea storms, and the deaths of his compatriots – experiencing despair yet also rekindling hope. Throughout this journey, the “I” character contemplates freedom, love, happiness, homeland, life, and death. Ultimately, he arrives at his own answers, particularly his definition of “homeland” from the perspective of an immigrant. Deep in the soul of the narrator lies a love for art, for life, and above all, for his homeland and country.*

Keywords: *Novel, narrator, diasporic literature, narratology.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 16-10-2025; ngày chấp nhận đăng: 04-11-2025)